

Issho ni ikimasen ka

Đi cùng với tôi không?



Hội thoại hôm nay

マイク : 今度の土曜日、海斗と

Mike Ko¹ndo no do-yo¹obi, Ka¹ito to

忍^{にん}者^{じゃ}博^{はく}物^{ぶつ}館^{かん}に行^いきま^すす。

Ninja-Hakubutsu¹kan ni ikima¹su.

Thứ Bảy này, tôi sẽ đi
Bảo tàng Ninja với Kaito.

ミーヤー : マイクさんは、本当に

Mi Ya Ma¹iku-san wa, hontoo ni

忍^{にん}者^{じゃ}が好^すきです^ね。

ni¹nja ga suki¹ de¹su ne.

Mike thích ninja thật đấy nhỉ.

マイク : はい。

Mike Ha¹i.

Vâng.

みんな^{いっしょ}で一^い緒^{しょ}に行^いきま^せん^か。

Minna¹ de issho ni ikimase¹n ka.

Mọi người đi cùng với tôi
không?

ミーヤー : ああ、土曜日^{どようび}はちよっと...

Mi Ya A¹a, do-yo¹obi wa cho¹tto...

Ồi, thứ Bảy thì hơi ...

タム : 私^{わたし}も授^{じゆ}業^{ぎよう}があ^りま^す。

Tam Watashi mo ju¹gyoo ga arima¹su.

Em cũng phải đi học.

海斗^{かいと} : 残^{ざん}念^{ねん}。

Kaito Zanne¹n.

Tiếc quá.

じゃあ、2^{ふたり}人^いで行^いこう。

Ja¹a, futari¹ de iko¹o.

Thế thì chỉ có 2 chúng ta đi
thôi.

Từ vựng

今^{こん}度^ど lần này

ko¹ndo

博^{はく}物^{ぶつ}館^{かん} bảo tàng

hakubutsu¹kan

残^{ざん}念^{ねん}(な) tiếc

zanne¹n (na)

Mẫu câu cơ bản

いっしょに い
一緒に 行きませんか。

Issho ni ikimaseⁿ ka.

Đi cùng với tôi không?

Để rủ ai làm gì, đổi đuôi “-masu” của động từ thể MASU thành “-masen ka” và lên giọng ở cuối câu. “-masen” là thể phủ định nhưng với “-masen ka” thì sẽ thành câu mời rủ. Nếu nhận lời, thì nói “ii desu ne” nghĩa là “nghe hay đấy nhỉ”.

Luyện tập

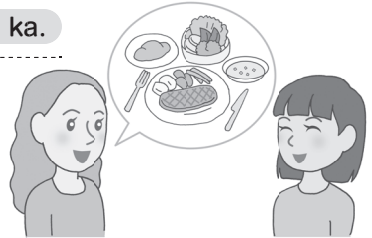
こんばん いっしょ
今晚、一緒に ごはんを 食べに 行きませんか。

Koⁿban, issho ni go^han o ta^be ni ikimaseⁿ ka.

いいですね。行きましょう。

Ii de^su ne. Ikimasho^o.

Tối nay, chị có đi ăn tối cùng với tôi không?
Nghe hay đấy nhỉ. Cùng đi nhé.



Thực hành

～ませんか。 Anh/Chị có ... cùng với tôi không?

～maseⁿ ka.

① みんなでバーベキューをする (→します)

minna¹ de baabe¹kyuu o suru (→shima¹su)

mọi người cùng làm tiệc nướng ngoài trời

② 一緒に歌う (→歌います)

issho ni utau (→utaima¹su)

hát cùng



Mở rộng

どようび
土曜日はちょっと・・・

Do-yo¹obi wa cho¹tto...

Thứ Bảy thì hơi ...

Đây là cách từ chối lời mời. “Chotto” nghĩa là “một chút”, nhưng khi nói nếu kéo dài và hạ giọng ở cuối câu thì sẽ thể hiện ý từ chối một cách gián tiếp.

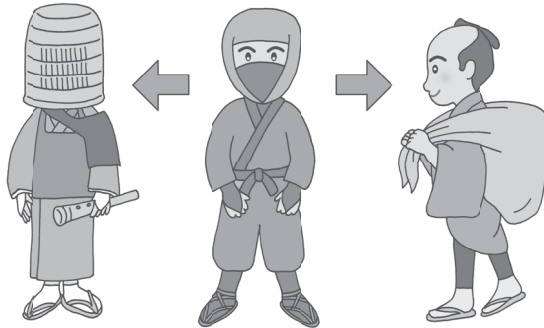


Văn hoá đại chúng cùng Mike

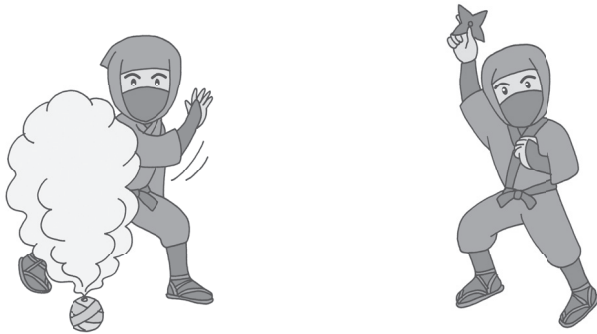
Bí mật của Ninja

Ninja giống như gián điệp hoặc lực lượng đặc nhiệm hoạt động sau thế kỷ 15 trong thời chiến quốc của Nhật Bản. Sự tồn tại của ninja vẫn chìm trong bí ẩn. Ninja nổi tiếng với bộ trang phục đặc trưng, nhưng họ thường cải trang thành thương lái, tăng lữ, và người biểu diễn lưu động để thâm nhập vào lãnh địa của kẻ thù.

Cải trang thành ninja



Ninja sử dụng rất nhiều dụng cụ như phi tiêu ninja hình ngôi sao, và vận dụng kiến thức về thuốc nổ, đôi khi cả tâm lý học để hoàn thành sứ mệnh. Các võ tướng coi trọng họ như những chuyên gia kỹ thuật.



Đáp án ① みんなでバーベキューをしませんか。
② いっしょ うた一緒に歌いませんか。

Minna¹ de baabe'kyuu o shimase'n ka.
Issho ni utaimase'n ka.